

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 24/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;
ông Lê Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Châu P – sinh năm 1989; ĐKKHKT: số 18 tổ 01 ấp KB 2, xã KA, huyện M, tỉnh An Giang. Cư trú: 348 tổ 15 ấp MH, xã MHĐ, huyện Mi, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn G – sinh năm 1990; nơi cư trú: số 18 tổ 01 ấp KB 2, xã KA, huyện M, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông Lê Văn G

Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà P trình bày: bà và ông G quen biết và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng

không tôn trọng nhau, thường xuyên bất hòa và không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2021, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết bà có đến thăm con thì gia đình ông G ngăn cản, hai bên có cãi vã, khi bà đi về thì ông G có hành vi bạo lực đánh bà bị sưng vù vùng trán, nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15/3/2011; Lê Minh H, sinh ngày 10/8/2017 hiện đang sống với ông G khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Minh H, đồng ý để ông G tiếp tục nuôi con chung Lê Minh Đ; ông G nuôi cháu H từ tháng 02/2022 cho đến nay. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Văn G trình bày: ông và bà P quen biết và kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn hay cãi nhau đến khoảng tháng 01/2022 thì bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, ông có tới lui hàn gắn nhưng vợ không đồng ý, nhận thấy tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15/3/2011; Lê Minh H, sinh ngày 10/8/2017 hiện đang sống với ông, nếu ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Châu P xin ly hôn ông Lê Văn G

Giấy chứng nhận kết hôn số 283 ngày 31 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã KA, huyện M, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn G được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15/3/2011; Lê Minh H, sinh ngày 10/8/2017. Bà Lê Thị Châu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà P, ông G không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của

vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà P, ông G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2022 ông Lê Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông xác định yêu cầu kháng cáo: không đồng ý ly hôn với bà P, về con chung không kháng cáo.

Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý đoàn tụ với ông G, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tranh luận: các đương sự không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: ông G kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: cấp sơ thẩm căn cứ vào mâu thuẫn giữa bà P, ông G; ông G có hành vi bạo lực gia đình, cấp sơ thẩm cho bà P được ly hôn với ông G là có căn cứ. Ông G kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông G, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: ông G kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn G:

- Về con chung: ông G, bà P có hai con chung tên Lê Minh Đ sinh ngày 15/3/2011, Lê Minh H sinh ngày 10/8/2017, tại phiên tòa sơ thẩm bà P thống nhất để cho ông G được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà P không phải cấp dưỡng, bà P không kháng cáo. Tại phiên tòa ông G xác định không kháng cáo phần con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hôn nhân: ông G và bà P đăng ký kết hôn ngày 31/8/2010 theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới nên là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà P nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn có việc ông G

không tôn trọng bà, không lo cho gia đình, tham gia tệ nạn xã hội (đánh bạc), nên không còn sống chung từ tháng 01/2021 đến nay, bà P không còn tình cảm với ông G nên xin ly hôn. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn bà có đến thăm con thì bị ông G có hành vi bạo lực gia đình đối với bà.

Ông G cho rằng còn thương bà P, không muốn ly hôn nhưng cũng thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống chung ông có bài bạc dẫn đến nợ nần nhiều người và khi bà P đến thăm con ông có đánh bà P.

Xét thấy: Hôn nhân giữa bà P và ông G là tự nguyện, được xây dựng trên cơ sở tình cảm, sau khi kết hôn ông bà chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là từ phía ông G không chăm lo cho cuộc sống gia đình, tham gia tệ nạn xã hội nợ nần nhiều người. Ông G cho rằng còn thương bà P không muốn ly hôn, nhưng trong thời gian bà P xin ly hôn, đáng lẽ ông phải tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà ngược lại khi bà P đến thăm con ông lại có hành vi đánh bà P làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình cảm của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bà P xác định không còn tình cảm với ông G, không muốn đoàn tụ, cương quyết ly hôn với ông G, ngoài ra ông G đã có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P cho bà P và ông G ly hôn là có căn cứ.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Ông G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông G phải chịu 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn G

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Châu P

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Châu P được ly hôn ông Lê Văn G

Giấy chứng nhận kết hôn số 283 ngày 31 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã KA, huyện M, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: ông Lê Văn G được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15/3/2011; Lê Minh H, sinh ngày 10/8/2017. Bà Lê Thị Châu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà P ông G không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà P, ông G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Châu P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn), được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0010189 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang (bà P đã nộp xong).

6. Về án phí phúc thẩm: ông G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004560 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M (ông G đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện Chợ Mới (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh (1);
- Đường sự (2);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng